

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ILA**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: 1408.22/CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2022

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần ILA**

- Mã chứng khoán: **ILA**

- Địa chỉ: Số 39, Đường Đinh Thị Thi, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 0869265299

Fax:

- E-mail: [info@ilagroup.com.vn](mailto:info@ilagroup.com.vn)

- Loại công bố thông tin: Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Bán niên năm 2022 của Công ty cổ phần ILA.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2022 tại đường dẫn <http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/cong-bo-thong-tin-16.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**TRẦN ĐỨC ANH**



MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited  
An independent member firm of Moore Global Network Limited

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**



# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03-04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-28

---

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Ban Tổng Giám đốc công ty trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ phần ILA.

### 1. Thông tin chung về công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 185.299.390.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022. Công ty Cổ phần ILA thay đổi trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 14/07/2022.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

#### Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm.

**Trụ sở chính:** Số 39 Đinh Thị Thi, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Lê Công Hoàng	Chủ tịch HĐQT	16/11/2021	
Ông Trần Đức Anh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Hồ Viết Ánh	Thành viên	16/11/2021	
Ông Cao Xuân Phương	Thành viên	16/11/2021	
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên	25/06/2022	
Bà Nguyễn Thị Châu Úc	Thành viên	16/11/2021	25/06/2022

#### Ban Kiểm soát

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Bà Hoàng Diệu My	Trưởng ban	16/11/2021	
Bà Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên	16/11/2021	
Bà Lữ Kiều An	Thành viên	25/06/2022	
Ông Nguyễn Phước Thành Nhân	Thành viên	16/11/2021	25/06/2022

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	
Ông Trần Đức Anh	Tổng Giám đốc	28/10/2021	
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	26/04/2022	
Ông Đặng Xuân Hữu	Phó Tổng Giám đốc	17/09/2018	31/03/2022
Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Tổng Giám đốc	06/05/2019	26/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	07/01/2022	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Kế toán trưởng	19/06/2018	07/01/2022

#### Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Trần Đức Anh Tổng Giám đốc

### 4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty.

### 5. Cam kết của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Đức Anh

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2022

Số: A0822472-SXR/MOORE AISC - DN6

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty")**, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần ILA** tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không ảnh hưởng kết luận của kiểm toán như đã nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính như sau:

- Theo thuyết minh số V.3 về khoản trả trước cho người bán: Khoản tiền trả trước cho các cá nhân từ Công ty Cổ phần ILA về việc chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 31/12/2021 chưa hoàn tất các thủ tục và Công ty Cổ phần ILA chưa nhận được sổ cổ đông cũng như quyền sở hữu các cổ phiếu này. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần ILA đang tiến hành các thủ tục tăng thêm vốn 170 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 để thanh toán đợt 2 cho các cá nhân (xem Thuyết minh số VIII.1). Trong trường hợp Công ty Cổ phần ILA không tăng vốn được thì các cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu nêu trên sẽ chuyển trả lại số tiền đã ứng trước cho công ty theo quy định trong hợp đồng chuyển nhượng.



**Đậu Nguyễn Lý Hằng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 1169-2018-005-1

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2022





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>266.250.868.913</b>	<b>202.358.121.711</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.960.126.298</b>	<b>3.315.333.874</b>
1. Tiền	111		2.960.126.298	3.315.333.874
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>238.284.001.589</b>	<b>198.920.491.106</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	20.044.319.581	9.959.630.213
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	211.335.149.299	188.974.700.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.190.749.998	272.378.182
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(286.217.289)	(286.217.289)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>24.064.040.576</b>	<b>86.659.706</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.064.040.576	86.659.706
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>942.700.450</b>	<b>35.637.025</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	53.683.186	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		889.017.264	20.980.626
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9b	-	14.656.399
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		-	-
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>266.250.868.913</b>	<b>202.358.121.711</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>69.519.344.418</b>	<b>4.197.202.512</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>69.519.344.418</b>	<b>4.197.202.512</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	8.430.195.691	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	1.972.475.269	4.197.202.512
4. Phải trả người lao động	314		140.098.225	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		37.037.038	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	3.548.658.995	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	55.390.879.200	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>196.731.524.495</b>	<b>198.160.919.199</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>196.731.524.495</b>	<b>198.160.919.199</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.299.390.000	185.299.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.299.390.000	185.299.390.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.432.134.495	12.861.529.199
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.861.529.199	1.617.512.953
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.429.394.704)	11.244.016.246
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>266.250.868.913</b>	<b>202.358.121.711</b>



Lê Thị Hoài Thương  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 08 năm 2022



Nguyễn Minh Tấn  
Kế toán trưởng



Trần Đức Anh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.234.626.201	7.789.740.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.234.626.201	7.789.740.400
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	50.466.842.344	7.273.941.900
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <b>(20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>767.783.857</b>	<b>515.798.500</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	42.037	5.550.083.153
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.143.975.078	1.110.449.494
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.143.975.078</i>	<i>237.781.629</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	752.142.499	731.689.161
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>(1.128.291.683)</b>	<b>4.223.742.998</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	47.500.700	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	335.966.902	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(288.466.202)</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.416.757.885)</b>	<b>4.223.742.998</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	12.636.819	885.871.589
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.429.394.704)</b>	<b>3.337.871.409</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(77)	196
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(77)	196



Lê Thị Hoài Thương  
Người lập biểu



Nguyễn Minh Tấn  
Kế toán trưởng



Trần Đức Anh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 08 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>(1.416.757.885)</b>	<b>4.223.742.998</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	35.079.570
- Các khoản dự phòng	03	VI.4,5	-	1.077.108.786
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	-	(5.550.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.143.975.078	237.781.629
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(272.782.807)</b>	<b>23.712.983</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(40.216.890.722)	(31.349.685.072)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(23.977.380.870)	(53.518.182)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		12.092.679.582	11.204.284.642
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(53.683.186)	68.235.756
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.143.975.078)	(237.781.629)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9a	(2.174.053.695)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(55.746.086.776)</b>	<b>(20.344.751.502)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	25.550.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-</b>	<b>25.550.000.000</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	60.140.879.200	5.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(4.750.000.000)	(11.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>55.390.879.200</b>	<b>(5.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(355.207.576)</b>	<b>(294.751.502)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.315.333.874</b>	<b>330.189.047</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.960.126.298</b>	<b>35.437.545</b>



Lê Thị Hoài Thương  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 08 năm 2022



Nguyễn Minh Tấn  
Kế toán trưởng



Trần Đức Anh  
Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/03/2018. Công ty Cổ phần ILA tăng vốn điều lệ lên 185.299.390.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 27/01/2022. Công ty Cổ phần ILA thay đổi trụ sở chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 14/07/2022.

**Mã chứng khoán:** ILA.

**Tên tiếng Anh:** ILA JOINT STOCK COMPANY.

**Tên viết tắt:** ILA JSC.

**Trụ sở chính:** Số 39 Đinh Thị Thi, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.**3. Hoạt động chính của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2022:** 4 nhân viên. (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4 nhân viên)**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi bổ sung.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**Các khoản tương đương tiền** bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, vay cá nhân, vay tổ chức (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

**12. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

**Nợ phải trả tài chính**

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**14. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2022	01/01/2022
<b>Tiền</b>	<b>2.960.126.298</b>	<b>3.315.333.874</b>
Tiền mặt	361.224.905	610.505.332
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.598.901.393	2.704.828.542
<b>Cộng</b>	<b>2.960.126.298</b>	<b>3.315.333.874</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.044.319.581</b>	<b>(286.217.289)</b>	<b>9.959.630.213</b>	<b>(286.217.289)</b>
Công ty TNHH Thực phẩm Magi	5.788.385.526	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây Dựng Ngọc Thanh	3.051.451.442	-	-	-
Phải thu các cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần (1)	9.550.748.372	-	9.550.748.372	-
- Ông Nguyễn Hữu Cường	4.093.164.230	-	4.093.164.230	-
- Ông Nguyễn Tiến Sơn	3.683.914.662	-	3.683.914.662	-
- Bà Lê Thị Phụng	1.773.669.480	-	1.773.669.480	-
Đối tượng khác	1.653.734.241	(286.217.289)	408.881.841	(286.217.289)
<b>Cộng</b>	<b>20.044.319.581</b>	<b>(286.217.289)</b>	<b>9.959.630.213</b>	<b>(286.217.289)</b>

(1) Khoản tiền còn phải thu các cá nhân nhận chuyển nhượng 9.800.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần BD Land từ Công ty Cổ phần ILA theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 20/11/2021. Theo đó thời hạn thanh toán là trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Ngắn hạn	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khoản trả trước người bán về chuyển nhượng cổ phần (1)	188.915.200.000	-	188.915.200.000	-
Ông Lê Công Hoàng (*)	11.782.400.000	-	11.782.400.000	-
Ông Lê Quang Hạnh (*)	24.327.200.000	-	24.327.200.000	-
Bà Trần Thị Châu (*)	16.600.000.000	-	16.600.000.000	-
Bà Lê Thị Thành Huế (*)	43.168.000.000	-	43.168.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Ý (*)	48.469.600.000	-	48.469.600.000	-
Ông Trần Anh Sơn	44.568.000.000	-	44.568.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phúc Hưng Golden (2) (*)	14.889.999.971	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Phụng Hoàng	7.477.835.600	-	-	-
Đối tượng khác	52.113.728	-	59.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>211.335.149.299</b>	<b>-</b>	<b>188.974.700.000</b>	<b>-</b>

(1) Khoản tiền trả đợt 1 cho các cá nhân từ Công ty Cổ phần ILA về việc chuyển nhượng 32.041.286 cổ phiếu, tương ứng 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành theo các hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 31/12/2021 chưa hoàn tất các thủ tục và Công ty Cổ phần ILA chưa nhận được sổ cổ đông cũng như quyền sở hữu các cổ phiếu này. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần ILA đang tiến hành các thủ tục tăng thêm vốn 170 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 để thanh toán đợt 2 cho các cá nhân (xem Thuyết minh số VIII.1). Trong trường hợp Công ty Cổ phần ILA không tăng vốn được thì các cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu nêu trên sẽ chuyển trả lại số tiền đã ứng trước cho công ty theo quy định trong hợp đồng chuyển nhượng.

(2) Công ty Cổ phần ILA ứng trước 76% giá trị chuyển nhượng đất nền tại Dự án Khu Dân cư Đất Xanh tại Ấp 5 xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo hợp đồng số 0405/2022/ILA-DXBP ngày 10/06/2022.

(\*): là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)

**4. Phải thu khác**

Ngắn hạn	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tạm ứng</b>	<b>7.190.749.998</b>	<b>-</b>	<b>272.378.182</b>	<b>-</b>
Ông Đặng Xuân Hữu	249.998	-	260.060.000	-
Ông Trần Đức Anh	-	-	260.060.000	-
Ông Trần Đức Anh	249.998	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	7.190.500.000	-	5.500.000	-
Công ty TNHH TMDV Xuất nhập khẩu Phụng Hoàng	7.190.500.000	-	-	-
Đối tượng khác	-	-	5.500.000	-
Phải thu khác	-	-	6.818.182	-
<b>Cộng</b>	<b>7.190.749.998</b>	<b>-</b>	<b>272.378.182</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hàng tồn kho	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	38.205.160	-
Hàng hoá	24.064.040.576	-	48.454.546	-
<b>Cộng</b>	<b>24.064.040.576</b>	<b>-</b>	<b>86.659.706</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

## 6. Nợ xấu (Xem trang 27)

7. Chi phí trả trước	30/06/2022	01/01/2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>53.683.186</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước khác	53.683.186	-
<b>Cộng</b>	<b>53.683.186</b>	<b>-</b>

8. Phải trả cho người bán	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.430.195.691</b>	<b>8.430.195.691</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH SG Intimex	6.064.515.150	6.064.515.150	-	-
Công ty TNHH Homn Reen	1.260.340.290	1.260.340.290	-	-
Công ty Cổ phần Đóng tàu và Vận tải biển Nam Phát Hải Phòng	993.016.395	993.016.395	-	-
Đối tượng khác	112.323.856	112.323.856	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.430.195.691</b>	<b>8.430.195.691</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Phải nộp	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022
	Thuế giá trị gia tăng	75.068.933	555.954.681	631.023.614
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.122.133.579	12.636.819	2.174.053.695	1.960.716.703
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.758.566	-	11.758.566
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.197.202.512</b>	<b>583.350.066</b>	<b>2.808.077.309</b>	<b>1.972.475.269</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	14.656.399	14.656.399	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.656.399</b>	<b>14.656.399</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả ngắn hạn khác	30/06/2022	01/01/2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.548.658.995</b>	-
Kinh phí công đoàn	2.307.688	-
Bảo hiểm xã hội	44.574.850	-
Bảo hiểm y tế	8.743.473	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.782.994	-
Phải trả khác	3.491.249.990	-
Lê Công Hoàng (1) (*)	2.499.999.995	-
Trần Đức Anh (2) (*)	991.249.995	-
<b>Cộng</b>	<b>3.548.658.995</b>	-

(1) Công ty Cổ phần ILA mượn tiền theo hợp đồng số MT04 ngày 28/06/2022. Thời hạn: từ ngày 28 tháng 06 năm 2022 đến ngày 12 tháng 07 năm 2022. Lãi suất: 0%.

(2) Công ty Cổ phần ILA mượn tiền theo hợp đồng số MT06 ngày 28/06/2022. Thời hạn: từ ngày 28 tháng 06 năm 2022 đến ngày 28 tháng 08 năm 2022. Lãi suất: 0%.

(\*): là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)

11. Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>55.390.879.200</b>	<b>55.390.879.200</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	22.465.649.200	22.465.649.200	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	32.925.230.000	32.925.230.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.390.879.200</b>	<b>55.390.879.200</b>	-	-

**Thuyết minh các khoản vay**

(1) Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng số 193/2022/HDCVHM/CMB ngày 09/06/2022 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 30/06/2022

Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 VND.

Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Thời hạn cho vay: 3 tháng theo từng khế ước nhận nợ.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động thương mại vật liệu xây dựng và thực phẩm của công ty Cổ phần ILA

Tài sản đảm bảo: Tài sản bên thứ 3 tại các thửa đất, các tờ bản đồ với cùng địa chỉ tại Ấp 5, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước theo các Hợp đồng thế chấp số 193/2022/HDTC/CMB ngày 09/06/2022 và 221/2022/HDTC/CMB ngày 29/06/2022

Dư nợ vay tại 30/06/2022 là 22.465.649.200 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Thuyết minh các khoản vay (tiếp theo)****(2) Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 Tp. HCM theo hợp đồng số 04/2022-HĐCVHM/NHCT944-LBB ngày 14/01/2022**

Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 VND.

Thời hạn cấp hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Thời hạn cho vay: 6 tháng theo từng kế ước nhận nợ.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân.

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

Tài sản đảm bảo: Tài sản bên thứ 3 tại các thửa đất, các tờ bản đồ với cùng địa chỉ tại Thị trấn Lai Uyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng thế chấp số 07/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022, 09/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022, 10/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022, 11/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022, 12/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022, 13/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022, 14/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 14/01/2022; các thửa đất, các tờ bản đồ với cùng địa chỉ tại Thị xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước theo các Hợp đồng thế chấp số 23/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 26/01/2022, 24/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 26/01/2022, 26/2022/HDDDB/NHCT/944-LBB ngày 26/01/2022.

Dự nợ vay tại 30/06/2022 là 32.925.230.000 VND.

**12. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2021</b>	<b>169.999.930.000</b>	<b>16.916.972.953</b>	<b>186.916.902.953</b>
Lợi nhuận kỳ này	-	3.337.871.409	3.337.871.409
<b>Số dư tại 30/06/2021</b>	<b>169.999.930.000</b>	<b>20.254.844.362</b>	<b>190.254.774.362</b>
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>185.299.390.000</b>	<b>12.861.529.199</b>	<b>198.160.919.199</b>
Lỗ kỳ này	-	(1.429.394.704)	(1.429.394.704)
<b>Số dư tại 30/06/2022</b>	<b>185.299.390.000</b>	<b>11.432.134.495</b>	<b>196.731.524.495</b>
<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Vốn góp của các cổ đông			
Hoàng Kỳ Anh	18%	33.589.630.000	33.589.630.000
Đào Thị Lệ Quyên	10%	18.324.500.000	18.324.500.000
Đậu Thị Kim Thoa	5%	9.151.640.000	9.151.640.000
Cổ đông khác	67%	124.233.620.000	124.233.620.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>185.299.390.000</b>	<b>185.299.390.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Vốn góp của chủ sở hữu		185.299.390.000	185.299.390.000
Vốn góp đầu kỳ		185.299.390.000	185.299.390.000
Vốn góp cuối kỳ		185.299.390.000	185.299.390.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.529.939	18.529.939
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.529.939	18.529.939
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.529.939	18.529.939
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.529.939	18.529.939
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.529.939	18.529.939
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	51.234.626.201	7.789.740.400
<b>Cộng</b>	<b>51.234.626.201</b>	<b>7.789.740.400</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	50.466.842.344	7.273.941.900
<b>Cộng</b>	<b>50.466.842.344</b>	<b>7.273.941.900</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42.037	83.153
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu	-	5.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.037</b>	<b>5.550.083.153</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	1.143.975.078	237.781.629
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	872.667.865
<b>Cộng</b>	<b>1.143.975.078</b>	<b>1.110.449.494</b>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	528.234.384	304.440.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	70.235.756
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	35.079.570
Thuế, phí, lệ phí	28.367.789	4.174.026
Chi phí dự phòng	-	204.440.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.002.215	33.521.147
Chi phí bằng tiền khác	6.538.111	79.797.741
<b>Cộng</b>	<b>752.142.499</b>	<b>731.689.161</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>6. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	47.500.000	-
Thu nhập khác	700	-
<b>Cộng</b>	<b>47.500.700</b>	<b>-</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
Chi phí phạt nộp chậm thuế	334.228.953	-
Chi phí khác	1.737.949	-
<b>Cộng</b>	<b>335.966.902</b>	<b>-</b>
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	70.235.756
Chi phí nhân công	528.234.384	304.440.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	35.079.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.002.215	33.521.147
Chi phí khác	34.905.900	288.412.688
<b>Cộng</b>	<b>752.142.499</b>	<b>731.689.161</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.416.757.885)</b>	<b>4.223.742.998</b>
<b>2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.479.941.980	205.614.947
<i>Chi phí không được trừ</i>	335.966.902	205.614.947
<i>Chi phí lãi vay theo nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	1.143.975.078	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>3. Thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>63.184.095</b>	<b>4.429.357.945</b>
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)</b>	<b>12.636.819</b>	<b>885.871.589</b>

(\*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.429.394.704)	3.337.871.409
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.429.394.704)	3.337.871.409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.529.939	16.999.993
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(77)</b>	<b>196</b>
	<b>06 tháng đầu năm 2022</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.429.394.704)	3.337.871.409
Lãi của trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn mua, chứng quyền	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(1.429.394.704)	3.337.871.409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.529.939	16.999.993
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	18.529.939	16.999.993
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>(77)</b>	<b>196</b>

(\*) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 30/06/2022.

**12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**12.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**12.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Các khoản vay và nợ	55.390.879.200	-	-	55.390.879.200
Phải trả người bán	8.430.195.691	-	-	8.430.195.691
Các khoản phải trả, phải nộp khác, chi phí phải trả	3.528.287.028	-	-	3.528.287.028
<b>Cộng</b>	<b>67.349.361.919</b>	-	-	<b>67.349.361.919</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>				
Các khoản vay và nợ	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của các bên thứ ba làm tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số V.11 - Vay và nợ thuê tài chính).

**13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (xem trang 28)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, vay và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Không phát sinh.

**2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
60.140.879.200	5.500.000.000

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
(4.750.000.000)	(11.000.000.000)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã sử dụng nguồn thu từ việc thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm 2021 để trả trước cho các cổ đông cá nhân về việc nhận 32.041.286 cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Hoàng Cát Chơn Thành. Công ty cam kết sẽ hoàn tất việc nhận chuyển nhượng số cổ phiếu này ngay sau khi được phép sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược đang được triển khai theo phương án đã được thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2021 của Công ty.

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng nào khác kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty Cổ phần ILA có những điều chỉnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 07 năm 2022 như sau:

+ Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty về Số 39 Đinh Thị Thi, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM;

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan trong kỳ****Bên liên quan**

Ông Lê Công Hoàng

Ông Lê Quang Hạnh

Bà Trần Thị Châu

Bà Lê Thị Thành Huế

Ông Nguyễn Trọng Ý

Ông Trần Đức Anh

Công ty TNHH MTV Phúc Hưng Golden

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT

Bố của Chủ tịch HĐQT

Mẹ của Chủ tịch HĐQT

Em gái của Chủ tịch HĐQT

Em trai của Thành viên HĐQT

Tổng Giám đốc

Cùng ban điều hành

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:**

<b>Trả trước về chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Ông Lê Công Hoàng	11.782.400.000	11.782.400.000
Ông Lê Quang Hạnh	24.327.200.000	24.327.200.000
Bà Trần Thị Châu	16.600.000.000	16.600.000.000
Bà Lê Thị Thành Huế	43.168.000.000	43.168.000.000
Ông Nguyễn Trọng Ý	48.469.600.000	48.469.600.000
<b>Cộng</b>	<b>144.347.200.000</b>	<b>144.347.200.000</b>

**Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:**

<b>Trả trước cho người bán về chuyển nhượng đất</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Công ty TNHH MTV Phúc Hưng Golden	14.889.999.971	-
<b>Cộng</b>	<b>14.889.999.971</b>	<b>-</b>

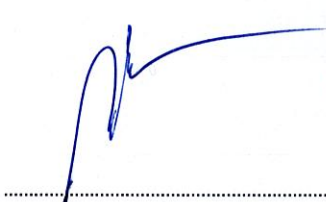
<b>Mượn tiền</b>	<b>30/06/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
Ông Lê Công Hoàng	2.499.999.995	-
Ông Trần Đức Anh	991.249.995	-
<b>Cộng</b>	<b>3.491.249.990</b>	<b>-</b>

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

	<b>06 tháng đầu năm 2022</b>	<b>06 tháng đầu năm 2021</b>
Thân Xuân Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	126.000.000
Trần Đức Anh - Tổng Giám đốc	56.000.000	-
Đặng Xuân Hữu - Phó Tổng Giám đốc	45.000.000	90.000.000
Phạm Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc	225.115.385	-
<b>Cộng</b>	<b>326.115.385</b>	<b>216.000.000</b>

**4. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.


**Lê Thị Hoài Thương**  
Người lập biểu



**Nguyễn Minh Tấn**  
Kế toán trưởng



**Trần Đức Anh**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 12 tháng 08 năm 2022

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.6. Nợ xấu**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	408.881.841	122.664.552	408.881.841	122.664.552
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	87.989.000	26.396.700	87.989.000	26.396.700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ DELTA-V	320.892.841	96.267.852	320.892.841	96.267.852

Khoản phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm

Khoản phải thu quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm

(\*) Các khoản công nợ trên theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ILA là có khả năng thu hồi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI.13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			Giá trị hợp lý
	30/06/2022	31/12/2021	30/06/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Phải thu khách hàng	20.044.319.581	(286.217.289)	9.959.630.213	(286.217.289)
- Phải thu khác	7.190.500.000	-	5.500.000	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.960.126.298	-	3.315.333.874	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.194.945.879</b>	<b>(286.217.289)</b>	<b>13.280.464.087</b>	<b>(286.217.289)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ	55.390.879.200	-	-	-
- Phải trả người bán	8.430.195.691	-	-	-
- Phải trả khác	3.491.249.990	-	-	-
- Chi phí phải trả	37.037.038	-	-	37.037.038
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.349.361.919</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>67.349.361.919</b>



